

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sầm
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 555/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Trúc L**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản khai chị Phan Thị Trúc L trình bày:

Chị L và anh H tiến tới hôn nhân năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2001. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 22 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với anh H. Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 20/7/2011. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; con

chung Nguyễn Minh N đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 05/02/2025 anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với chị L về điều kiện tiến tới hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay chị L xin ly hôn thì anh H đồng ý. Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 20/7/2011. Khi ly hôn anh H đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh P, anh H không cấp dưỡng nuôi con; con chung Nguyễn Minh N đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Trúc L, cụ thể: Về hôn nhân: Chị Phan Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Chị Phan Thị Trúc L được quyền nuôi con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 20/7/2011, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phan Thị Trúc L không có yêu cầu. Con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/3/2002 đã trưởng thành, chị Phan Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phan Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Văn H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Phan Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị L cho rằng hôn nhân giữa chị và anh H không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Theo chị L trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì anh T có văn bản trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của chị L về điều kiện tiến tới hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với chị L. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 20/7/2011. Chị L và anh H thống nhất để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh P khi ly hôn, con chung Nguyễn Minh N đã trưởng thành nên chị L và anh H không yêu cầu giải quyết. Khi Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Nguyễn Minh P có nguyện vọng được sống cùng chị L khi chị L và anh H ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Nguyễn Minh P cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung là Nguyễn Minh P cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; con chung Nguyễn Minh N đã trưởng thành, chị L và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị L là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Trúc L, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/3/2002 đã trưởng thành, chị Phan Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 20/7/2011 cho chị Phan Thị Trúc L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Phan Thị Trúc L không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Phan Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Phan Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn H có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004880 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Thành Thới B ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

